

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**C**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HS-ST  
Ngày 24/11/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Bùi Thanh T.**

**2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký  
Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Đông Việt Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 116/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

**- Bùi Văn D**, sinh năm: 1992, tại tỉnh Thái Bình.

Thường trú: huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1967 (sống) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1973 (sống); Anh, chị em ruột: Có 01 người sinh năm 1988; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2020.

*Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**- Trần Bạch Đ**, sinh năm: 1996, tại thành phố H.

Thường trú: quận T, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Xuân A, sinh năm 1970 (sống) và bà Bạch Ngọc L, sinh năm: 1976 (sống); Anh, chị em ruột: Có 01 người sinh năm 2014; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2020.

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Lê Thị Ngọc L**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Lê Thị Tr**, sinh năm: 1967 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Lê Thúy L**, sinh năm: 1973 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Lữ Minh T**, sinh năm: 1977 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 99/5 đường Võ Tánh, khu vực Yên Bình, phường Lê Bình, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Mã Cẩm A**, sinh năm: 1975 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Nguyễn Thanh K**, sinh năm: 1973 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1957 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Nguyễn Thị Thu Tr**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Nguyễn Văn U**, sinh năm: 1971 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Phạm Thị L**, sinh năm: 1966 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Trần Đ**, sinh năm: 1941 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Võ Thị Kim N**, sinh năm: 1973 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Võ Thị Tuyết P**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Đoàn Thị H**, sinh năm: 1962 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Bùi Thị Thùy D**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

\* Người làm chứng: Ông **Lê Tiến D**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác nắm tình hình các đối tượng hoạt động tín dụng đen trên địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ. Vào khoảng 21 giờ 15 phút ngày 27/12/2019 lực lượng Cảnh sát điều tra – Công an quận C, phối hợp với Công an phường P, quận C tiến hành kiểm tra căn hộ Chung cư T, tại thời điểm kiểm tra, trong nhà gồm có các đối tượng gồm: Bùi Văn D, Trần Bạch Đ, Nguyễn Quang H, Đặng Đình Đ và Bùi Văn T.

Vật chứng thu giữ: 04 (bốn) cuốn sổ màu hồng có nội dung thu tiền góp (được đánh số thứ tự từ I đến IV); 01 (một) cuốn sổ màu vàng có nội dung thu tiền góp; 05 (năm) cuốn sổ màu đen; 01 (một) cây dao xếp; 01 (một) cây gậy ba khúc; 30 (ba mươi) giấy chứng minh nhân dân photocopy; 06 (sáu) sổ hộ khẩu photocopy; 11 (mười một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) sổ hộ khẩu bản chính; 260 gam tờ rơi cho vay tiền; 01 (một) giấy phép lái xe; 500 gam giấy vay tiền; 200 gam giấy nội dung thống kê danh sách vay tiền; 01 (một) giấy phép đăng ký kinh doanh; 05 (năm) giấy biên nhận tiền; 40 (bốn mươi) sổ hộ khẩu photocopy; 800 gam tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp; 91 (chín mươi một) tờ thống kê thu tiền góp hàng ngày; 01 (một) quyển tập có nội dung thu tiền góp; 01 (một) bình rượu; tiền Việt Nam 52.600.000đ (Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng); 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia 150.

Quá trình điều tra Bùi Văn D và Trần Bạch Đ khai nhận thực hiện hoạt động cho vay tiền góp từ tháng 07/2019 đến ngày 27/12/2019 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong đó D là người bỏ tiền ra để cho vay, Đ là người phụ trách in tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp, trên tờ rơi có thể hiện số điện thoại 0364.499.889 để phát trên địa bàn các quận ở thành phố Cần Thơ. Khi người nào có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ thông qua số điện thoại của D gặp D để thỏa thuận vay. Thủ tục cho vay chỉ cần người vay tiền cung cấp bản photocopy các loại giấy tờ tùy thân như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, Sổ hộ khẩu sẽ được các đối tượng cho vay số tiền từ 3.000.000đ (Ba triệu

đồng) đến 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất từ 20%/tháng đến 30%/tháng trên tổng số tiền được vay trên tháng, lệ phí vay tiền là 10% trên tổng số tiền được vay. Khi D đã thỏa thuận cho vay tiền xong thì hàng ngày Đ là người trực tiếp đi thu tiền góp cho D để hưởng lợi 05% (năm phần trăm) cho mỗi lượt vay đã trả xong, số tiền Đ hưởng lợi khoảng 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Qua điều tra xác định được trên địa bàn quận C, D và Đ đã cho 14 (mười bốn) người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) được chia làm 56 (năm mươi sáu) lượt vay với lãi suất từ 20%/tháng đến 25%/tháng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 53.687.500đ (Năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), cụ thể:

1. Lê Thị Ngọc L vay 07 (bảy) lần với số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Số tiền lãi thu về 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 2.755.500đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng) (lãi suất tính đến 8,34%/tháng), thu lợi bất chính từ phần thu vượt lãi suất quy định là 3.844.500đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) (tính từ 8,35%/tháng trở lên).

2. Lê Thị Tr vay 02 (hai) lần, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Số tiền lãi thu về 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), trong đó thu lợi theo lãi suất quy định là 2.505.000đ (Hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng), thu lợi bất chính là 3.495.000đ (Ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3. Lê Thúy L vay 03 (ba) lần, số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), lãi suất từ 24%/tháng đến 25%/tháng. Số tiền lãi thu về là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó theo quy định là 918.500đ (Chín trăm mười tám nghìn năm trăm đồng), thu lợi bất chính 1.781.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

4. Lữ Minh T vay 04 (bốn) lần, số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng), lãi suất 25%/tháng. Tiền lãi thu về 7.750.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó theo quy định là 2.588.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng), thu lợi bất chính 5.161.500đ (Năm triệu một trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

5. Mã Cẩm A vay 02 (hai) lần, số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 25%/tháng. Tiền lãi thu về 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó theo quy định là 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), thu lợi bất chính là 1.665.000đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

6. Nguyễn Thanh K vay 02 (hai) lần, số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trong đó theo quy định là 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), thu lợi bất chính là 1.165.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

7. Nguyễn Thị Đ vay 04 (bốn) lần, số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó theo quy định là 1.002.000đ (Một triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng), thu lợi bất chính là 1.398.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

8. Nguyễn Thị Thu Tr vay 04 (bốn) lần, số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), lãi suất 24%/tháng đến 25%/tháng. Tiền lãi thu về 4.350.000đ (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó theo quy định là 1.503.000đ (Một triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng), thu lợi bất chính là 2.847.000đ (Hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

9. Nguyễn Văn U vay 10 (mười) lần, số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), lãi suất 20%. Tiền lãi thu về 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó theo quy định là 3.006.000đ (Ba triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng), thu lợi bất chính là 4.194.000đ (Bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

10. Phạm Thị L vay 03 (ba) lần, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), trong đó theo quy định là 2.505.000đ (Hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng), thu lợi bất chính là 3.495.000đ (Ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

11. Trần Đ vay 02 (hai) lần, số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trong đó theo quy định là 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), thu lợi bất chính 1.165.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

12. Võ Thị Kim N vay 10 (mười) lần, số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 25%/tháng. Tiền lãi thu về là 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó theo quy định là 10.855.000đ (Mười triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), thu lợi bất chính là 21.645.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

13. Võ Thị Tuyết P vay 01 (một) lần, số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 1.000.000đ (Một triệu đồng), trong đó theo quy định là 334.000đ (Ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng), thu lợi bất chính 666.000đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

14. Đoàn Thị H vay 02 (hai) lần số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Tiền lãi thu về 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trong đó theo quy định là 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), thu lợi bất chính 1.165.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra Bùi Văn D và Trần Bạch Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số: 35/CT – VKS - CR ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố Bùi Văn D và Trần Bạch Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Bùi Văn D và Trần Bạch Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, về số tiền thu lợi bất chính của hai bị cáo trong vụ án xác định lại là 78.737.500đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ Luật Hình sự:

- Phạt tiền bị cáo Bùi Văn D số tiền từ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) đến 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

- Phạt tiền bị cáo Trần Bạch Đ số tiền từ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đến 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Về tang vật:

- Đề nghị Hội đồng xét buộc bị cáo Bùi Văn D giao nộp số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đã dùng để cho hoạt động cho vay lãi nặng để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi mà bị cáo Bùi Văn D đã thu về từ hành vi phạm tội là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng), trong đó gồm 78.737.500đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) bị cáo đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay đối với 14 (mười bốn) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị trả lại cho 14 (mười bốn) người liên quan; đối với số tiền 6.262.500đ (Sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) là số tiền lãi phát sinh do phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Bạch Đ nộp lại số tiền 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, do đây là số tiền mà bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357693105106240, số IMEI 2:

3576931105606249 có gắn sim (không rõ số điện thoại) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357721105734784, số IMEI 2: 357721106734783, do đây là phương tiện phạm tội của hai bị cáo.

- Đối với các tang vật thu giữ của hai bị cáo gồm có: 05 (năm) cuốn sổ tay màu đen có nội dung cho vay tiền góp; 01 (một) cây dao xếp; 01 (một) bình rượu; 01 (một) cây gậy ba khúc; 76 (bảy mươi sáu) Sổ hộ khẩu photocopy và Giấy chứng minh nhân dân bản photocopy; 1060 gam giấy tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp; 500 gam giấy vay tiền; 200 gam thống kê danh sách người vay tiền; 05 (năm) giấy biên nhận tiền; 91 (chín mươi một) tờ thống kê thu tiền góp hàng ngày và 01 (một) quyển tập có nội dung thu tiền góp hàng ngày, do những tang vật này liên quan đến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

- Riêng 11 (mười một) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Sổ hộ khẩu, 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) giấy phép đăng ký kinh doanh (tất cả là bản chính), đề nghị trả lại cho người đứng tên.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 52.600.000đ (Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Bùi Văn D để thi hành án theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bùi Văn D và Trần Bạch Đ khai nhận để có tiền tiêu xài cá nhân, Bùi Văn D đã bàn bạc và thống nhất thuê Trần Bạch Đ tiến hành cho những người có nhu cầu vay tiền, cụ thể Đ là người phụ trách in tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp, trên tờ rơi có thể hiện số điện thoại 0364.499.889 (số điện thoại của D) để phát trên địa bàn các quận ở thành phố Cần Thơ. Khi người nào có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ thông qua số điện thoại của D gặp D để thỏa thuận vay. Thủ tục cho vay, số tiền vay, lãi suất do D và người vay tự thỏa thuận với nhau, theo đó người có nhu cầu vay chỉ cần cung cấp bản photocopy các loại giấy tờ tùy thân như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, Sổ hộ khẩu sẽ được cho vay số tiền từ 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất từ 20%/tháng đến 30%/tháng, người vay còn phải trả lệ phí vay tiền là 10% trên tổng số tiền được vay.

Khi D đã thỏa thuận cho vay tiền xong thì hàng ngày Đ là người trực tiếp đi thu tiền góp cho D để hưởng lợi 05% (năm phần trăm) cho mỗi lượt vay đã trả xong, số tiền Đ được hưởng lợi khoảng 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong khoảng thời gian từ tháng 07 năm 2019 đến ngày 27/12/2019, qua điều tra xác định được trên địa bàn quận C, D và Đ đã cho 14 (mười bốn) người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) được chia làm 56 (Năm mươi sáu) lượt vay với lãi suất từ 20%/ tháng đến 25%/tháng, tổng số tiền lãi thu về là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng), trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính của hai bị cáo là 78.737.500đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, xét yêu cầu này của bị cáo là phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong giai đoạn điều tra D cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Đối với Trần Bạch Đ có mặt tại phiên tòa sơ thẩm thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Xét lời thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo là phù hợp với nội dung Cáo Trạng, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy, Bùi Văn D và Trần Bạch Đ đã có hành vi cho 14 (mười bốn) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với mức lãi suất từ 20%/tháng đến 25%/tháng, như vậy lãi suất mà hai bị cáo cho vay vượt gấp 13,47 lần mức lãi suất cao nhất quy định hiện nay là 20%/năm (tương ứng 1.67%/tháng); và số tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay của hai bị cáo là 78.737.500đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Hành vi này của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cho nên Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố bị cáo D và Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

[2] Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự xã hội, cũng như quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hai bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức nhưng lại lười lao động, không lo làm ăn chân chính để tạo ra của cải, thu nhập để nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình. Ngược lại chỉ vì lòng tham, muốn có tiền để tiêu xài và sử dụng cho bản thân mà không muốn bỏ ra công sức lao động, các bị cáo lợi dụng



hoàn cảnh túng thiếu, khó khăn của những người có nhu cầu vay tiền để Tr trải cuộc sống, giải quyết nhu cầu bức bách của mình, các bị cáo đã hưởng số tiền lãi thu về từ hành vi cho vay này là vượt gấp nhiều lần quy định của pháp luật, cụ thể là vượt 13,47 lần mức lãi suất cao nhất quy định hiện nay. Cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên cần phải có một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của hai bị cáo để răn đe, giáo dục, cải tạo bản thân tốt hơn và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước như: Hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự để có một mức hình phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Bùi Văn D là người tổ chức, trực tiếp bỏ tiền ra để cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, là người thụ hưởng số tiền lãi thu về, đồng thời cũng là người thuê bị cáo Trần Bạch Đ phát tờ rơi và thu tiền hàng ngày, nên bị cáo D phải chịu một mức hình phạt cao hơn.

Đối với bị cáo Trần Bạch Đ tham gia với vai trò thứ yếu, là người đi in, phát tờ rơi, được bị cáo D thuê đi thu tiền lãi để hưởng lợi nên chịu một mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo D.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mức phạt tiền từ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) đến 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Bùi Văn D là có cơ sở xem xét chấp nhận. Mức phạt tiền từ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đến 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Trần Bạch Đ là có cơ sở xem xét chấp nhận.

[4] Về tang vật:

- Buộc bị cáo Bùi Văn D giao nộp lại số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đã dùng cho hoạt động cho vay lãi nặng, để sung vào công quỹ Nhà nước, do số tiền này là phương tiện phạm tội trong vụ án.

- Buộc bị cáo Bùi Văn D giao nộp số tiền 6.262.500đ (Sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), số tiền lãi mà bị cáo D đã thu của người vay, do đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Văn D có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức lãi suất quy định 20%/năm với số tiền là 78.737.500đ (Bảy mươi tám

triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) cho 14 (mười bốn) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho bà Lê Thị Ngọc L số tiền 6.048.900đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng); trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 5.499.000đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả cho bà Lê Thúy L số tiền 2.516.300đ (Hai triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng); trả cho ông Lữ Minh T số tiền 7.232.300đ (Bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); trả cho ông Mã Cẩm A số tiền 2.333.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho ông Nguyễn Thanh K số tiền 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 2.199.600đ (Hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền là 4.049.400đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng); trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền 6.598.800đ (Sáu triệu năm trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng); trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 5.499.000đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả cho ông Trần Đ số tiền là 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho bà Võ Thị Kim N số tiền là 30.329.000đ (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng); trả cho bà Võ Thị Tuyết P số tiền 933.200đ (Chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng) và trả cho bà Đoàn Thị Hà số tiền là 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Bạch Đ nộp lại số tiền 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, do đây là số tiền bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357693105106240, số IMEI 2: 357693105606249 có gắn sim (không rõ số điện thoại) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357721105734784, số IMEI 2: 357721106734783, do đây là phương tiện phạm tội của hai bị cáo.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 06/LNK-ĐCSKT ngày 12/01/2021) (BL 1152).

- Đối với các tang vật thu giữ của hai bị cáo gồm có: 05 (năm) cuốn sổ tay màu đen có nội dung cho vay tiền góp; 01 (một) cây dao xếp; 01 (một) bình rượu; 01 (một) cây gậy ba khúc; 76 (bảy mươi sáu) Sổ hộ khẩu photocopy và Giấy chứng minh nhân dân bản photocopy; 1060 gam giấy tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp; 500 gam giấy vay tiền; 200 gam thống kê danh sách người vay tiền; 05 (năm) giấy biên nhận tiền; 91 (chín mươi một) tờ thống kê thu tiền góp hàng ngày và 01 (một) quyển tập có nội dung thu tiền góp hàng ngày, do những

tang vật này liên quan đến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

- Riêng 11 (mười một) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Sổ hộ khẩu, 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) giấy phép đăng ký kinh doanh (tất cả là bản chính), nên được trả lại cho người đứng tên (có danh mục chi tiết kèm theo).

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 33 ngày 30/7/2020) (BL 47).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 52.600.000đ (Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Bùi Văn D để thi hành án theo quy định.

(Theo Phiếu nhập kho ngày 31/7/2020 (BL 51)).

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm Bị cáo Bùi Văn D và Trần Bạch Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### *Tuyên bố:*

Bị cáo **Bùi Văn D** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Bị cáo **Trần Bạch Đ** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

#### *Xử phạt:*

Phạt tiền bị cáo Bùi Văn D số tiền là **170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng)**.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

#### *Xử phạt:*

Phạt tiền bị cáo Trần Bạch Đ số tiền là **130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng)**.

#### *\* Về vật chứng:*

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Bùi Văn D giao nộp lại số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đã dùng cho hoạt động cho vay lãi nặng, để sung vào công quỹ Nhà nước, do số tiền này là phương tiện phạm tội trong vụ án.

- Buộc bị cáo Bùi Văn D giao nộp số tiền 6.262.500đ (Sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), số tiền lãi mà bị cáo D đã thu của người vay, do đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Văn D có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức lãi suất quy định 20%/năm với số tiền là 78.737.500đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) cho 14 (mười bốn) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho bà Lê Thị Ngọc Linh số tiền 6.048.900đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng); trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 5.499.000đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả cho bà Lê Thúy Liễu số tiền 2.516.300đ (Hai triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng); trả cho ông Lữ Minh T số tiền 7.232.300đ (Bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); trả cho ông Mã Cẩm Anh số tiền 2.333.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho ông Nguyễn Thanh K số tiền 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 2.199.600đ (Hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền là 4.049.400đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng); trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền 6.598.800đ (Sáu triệu năm trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng); trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 5.499.000đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả cho ông Trần Đ số tiền là 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả cho bà Võ Thị Kim N số tiền là 30.329.000đ (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng); trả cho bà Võ Thị Tuyết P số tiền 933.200đ (Chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng) và trả cho bà Đoàn Thị H số tiền là 1.833.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Bạch Đ nộp lại số tiền 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, do đây là số tiền mà bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357693105106240, số IMEI 2: 357693105606249 có gắn sim (không rõ số điện thoại) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 (đã qua sử dụng) có số IMEI 1: 357721105734784, số IMEI 2: 357721106734783, do đây là phương tiện phạm tội của hai bị cáo.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 06/LNK-ĐCSKT ngày 12/01/2021) (BL 1152).

- Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) cuốn sổ tay màu đen có nội dung cho vay tiền góp; 01 (một) cây dao xếp; 01 (một) bình rượu; 01 (một) cây gậy ba khúc;

76 (bảy mươi sáu) Sổ hộ khẩu photocopy và Giấy chứng minh nhân dân bản photocopy; 1060 gam giấy tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp; 500 gam giấy vay tiền; 200 gam thống kê danh sách người vay tiền; 05 (năm) giấy biên nhận tiền; 91 tờ thống kê thu tiền góp hàng ngày và 01 (một) quyển tập có nội dung thu tiền góp hàng ngày, do những tang vật này liên quan đến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo.

- Riêng 11 (mười một) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Sổ hộ khẩu, 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) giấy phép đăng ký kinh doanh (tất cả là bản chính), nên được trả lại cho người đứng tên (có danh mục chi tiết kèm theo).

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 33 ngày 30/7/2020) (BL 47).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 52.600.000đ (Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Bùi Văn D để thi hành án theo quy định.

(Theo Phiếu nhập kho ngày 31/7/2020 (BL 51)).

\* Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn D và Trần Bạch Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

\* Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Bạch Đ có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đối với bị cáo Bùi Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định để xin Tòa án nhân dân hành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm../.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* Nơi nhận:

- TAND Tp.Cần Thơ;
- VKSND Tp.Cần Thơ;
- VKSND Q.C;
- Trại giam, Công an Tp.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo; Các Đ sự;
- Lưu HS.

**Phan Vũ Linh**